TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NC** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **04** /2018/HNGĐ - ST
Ngày: 29/01/2018
V/v Ly hôn và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NC TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Thắng
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Lê Thị Dệt
2. Ông Nguyễn Ngọc Tiến

Thư ký phiên tòa: Bà Doãn Phương Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Cống.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện NC tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Anh Quang - Kiểm sát viên

Ngày 29/01/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện NC xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 187/2017/TLST - HNGĐ ngày 15/11/2017 về việc Ly hôn và nuôi con chung theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2018/QĐXXST - DS ngày 16/01/2018 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn***:** Anh Lê Quang Th, sinh năm 1981 (có mặt)
Địa chỉ: Thôn 2, xã Tr Th, huyện N C, tỉnh Thanh Hóa.
2. Bị đơn: Chị Mạch Thị T, sinh năm 1990 (vắng mặt)
ĐKNKTT: Thôn 2, xã Tr Th, huyện N C, tỉnh Thanh Hóa.
Nơi ở hiện nay: Khu phố Bế Văn Đàn, phường Bình Đường 3, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện anh Th nộp ngày 13/11/2017 và quá trình giải quyết, xét xử, nguyên đơn anh Lê Quang Th trình bày:

Về hôn nhân: Anh Th và chị T xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện. Tổ chức cưới và đăng ký kết hôn ngày 12/7/2011tại UBND xã Tr Th, huyện N C. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc. Do điều kiện kinh tế khó khăn anh Th phải đi làm ăn xa, chị Tuyền ở nhà chung sống cùng với bố mẹ chồng. Quá trình chung sống, năm 2015 giữa chị T và mẹ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Chị T đã vứt ti vi, đập phá tủ và một số vật dụng khác trong gia đình rồi bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở tại xã C L, huyện N C, để lại con nhỏ cho anh nuôi đến nay. Đã nhiều lần anh tìm cách liên hệ với chị T về để giải quyết mâu thuẫn nhưng chị T không chịu gặp. Anh và chị T sống ly thân và chấm dứt quan hệ sinh lý từ năm 2015 đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn chị T.

Về con chung: Anh và chị T có 1 con chung là Lê Quang Hoàng L, sinh ngày 11/7/2012 cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường, hiện đang ở với anh. Nguyện vọng của anh xin được nuôi con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng.

Về tài sản và nợ chung: Anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo quyết định uỷ thác của Tòa án nhân dân huyện N C, ngày 12 tháng 01 năm 2018, tại Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An chị Mạch Thị T tự khai như sau: Trước khi kết hôn chị anh Th có thời gian tìm hiểu là 4 tháng trên cơ sở tự nguyện. Tổ chức cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tr Th, huyện N C. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình chồng tại thôn 2 xã Tr Th, huyện N C. Quá trình chung sống được 1 năm thì mẫu thuẫn mẹ chồng nàng dâu, anh Th không tìm cách giải quyết mà lại chửi bới chị. Vì vậy, tháng 12/2014 mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, chị bỏ vào Nam làm ăn đến nay. Quá trình chị đi làm ăn, anh Th cũng không liên lạc với chị, từ đó vợ chồng mất liên lạc. Chị và anh Th sống ly thân và chấm dứt quan hệ sinh lý từ tháng 12/2015 đến nay không ai quan tâm đến ai. Hiện chị T xác định không còn tình cảm với anh Th nên đồng ý ly hôn và chị có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Về con chung: Chị thống nhất như anh Th đã trình bày và đồng ý giao con cho anh Thành trực tiếp nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh Th vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn và nuôi con, về tài sản không yêu cầu Tòa án giải quyết

Đại diện VKS phát biểu quan điểm: Về Tố tụng: Quá trình thiết lập hồ sơ vụ án Thẩm phán, HĐXX đã thực hiện đúng theo quy định tại điều 48,49 Bộ luật

TTDS. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại điều 70,71, bộ luật TTDS. Về nội dung: Căn cứ Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 điều 228, khoản 4 Điều 147, điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật TTDS năm 2015. Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị HĐXX: Chấp nhận anh Lê Quang Th được ly hôn chị Mạch Thị T. Về con chung: Giao cháu Lê Quang Hoàng L cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng, phần cấp dưỡng nuôi con chung anh Th không yêu cầu. Về tài sản và công nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Anh Th phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật. Kiến nghị khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

{ 1} Về tố tụng: Chị T có đơn xin đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

{2} Về nội dung:

- *Về hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa anh Th và chị T là tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Nguyên nhân mâu thuẫn là do cách ứng xử giữa mẹ chồng nàng dâu không khéo nên xảy ra mâu thuẫn. Khi mâu thuẫn xảy ra anh Th là người chồng nhưng không dung hòa được mâu thuẫn mẹ chồng và con dâu. Vì vậy, từ nguyên nhân mâu thuẫn mẹ chồng nàng dâu dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng.

Đánh giá mâu thuẫn và thực trạng cuộc sống vợ chồng: Anh Th, chị T sống ly thân đã 2 năm, không ai quan tâm đến ai. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh Th và chị T đã mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài. Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hoà thuận, hạnh phúc không đạt được. Hiện tại đời sống chung đã chấm dứt. Nay anh Th xin ly hôn, về phía chị T cũng xác định tình cảm không còn và đồng ý ly hôn. HĐXX xét thấy đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

Về con chung: Chị T thống nhất giao cho anh Th nuôi cháu Lê Quang Hoàng L sinh ngày 11/7/2012. Sự thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, vì vậy HĐXX ghi nhận.

Về tài sản và công nợ chung: Anh Th và chị T không yêu cầu Toà án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Về án phí: Anh Th làm đơn yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- *Áp dụng*: Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 điều 228, khoản 4 điều 147, điều 271, khoản 1 điều 273 Bộ luật TTDS năm 2015. Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Tiểu mục 1.1, mục 1 phần II của Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị Quyết.

- *Tuyên xử:*

Về Hôn nhân: Chấp nhận anh anh Lê Quang Th được ly hôn chị Mạch Thị T .

Về con chung: Giao cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lờ Quang Hoàng L, sinh ngày 11/7/2012. Anh Th không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về tài sản và công nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về án phí: Anh Lê Quang Th phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N C theo biên lai thu số AA/2015/0006509 ngày 14/11/2017. Chấp nhận anh Th đã nộp đủ tiền án phí DSST.

Quyền kháng cáo: Tuyên quyền kháng cáo bản án cho nguyên đơn trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- VKS huyện N C;
- TAND Tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS huyện N C;
- UBND. Xã Tr Th;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Phạm Hữu Thắng

H□I □□NG X□T X□
H□I THỘM NHÂN DÂN

THỘM PH□N — CH□ TO□ PHI□N TOÀ

Nguyễn Ngọc Tiến **Lê Thị Dệt** **Phạm Hữu Thắng**